

Số: 100b/KH-UBND

Bắc Hà, ngày 15 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án số 11 về đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nâng cao tỷ trọng kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế trên địa bàn xã Bắc Hà giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Đề án số 11- ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nâng cao tỷ trọng kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 (gọi tắt là Đề án số 11-ĐA/TU) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Bắc Hà nhiệm kỳ 2025 - 2030. UBND xã Bắc Hà ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu của Đề án 11 phù hợp với đặc thù địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Bắc Hà; tập trung khắc phục các điểm yếu về địa hình chia cắt để tạo sự bứt phá về hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng công nghệ số một cách thực chất cho hệ thống chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp/HTX và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

Thúc đẩy kinh tế số phát triển mạnh mẽ, xác định kinh tế nông nghiệp hàng hóa và dịch vụ du lịch là hai trụ cột chiến lược. Trong đó, tập trung số hóa toàn bộ chuỗi giá trị của các đặc sản địa phương (Mận Tam Hoa, chè Shan tuyết, các loại cây dược liệu quý); đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị, quảng bá du lịch cộng đồng; qua đó mở rộng thị trường tiêu thụ ra phạm vi toàn quốc và hướng tới xuất khẩu, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm và cải thiện bền vững chất lượng đời sống nhân dân.

2. Yêu cầu:

Các nhiệm vụ phải được triển khai đồng bộ trên cả 04 trụ cột (Hạ tầng số, Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số); đảm bảo lộ trình cụ thể theo từng giai đoạn (2026: Chuẩn bị và thí điểm; 2027 - 2028: Triển khai diện rộng; 2029 - 2030: Hoàn thiện và nâng cao). Trong đó, ưu tiên tập trung mọi nguồn lực cho các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm xóa bỏ các "vùng lờm" thông tin, thu hẹp khoảng cách số và đảm bảo tính công bằng trong việc tiếp cận các tiện ích số cho đồng bào các dân tộc.

Phát huy tối đa vai trò nòng cốt, tinh tiên phong của Tổ công nghệ số cộng đồng với phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người". Lấy lực lượng đoàn viên thanh niên và những người có uy tín trong cộng đồng làm nòng cốt để "cầm tay chỉ việc", hỗ trợ người dân tiếp cận các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và kỹ năng an toàn thông tin ngay tại hộ gia đình, đảm bảo thực chất, hiệu quả và không ai bị bỏ lại phía sau.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Về hạ tầng số: Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kết nối số hiện đại, phấn đấu 100% các thôn, bản được phủ sóng di động 4G/5G với chất lượng ổn định; 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận và sử dụng Internet băng rộng cố định (cáp quang) với tốc độ cao; duy trì, nâng cấp và đảm bảo vận hành hiệu quả hệ thống wifi M tại 100% Nhà văn hóa thôn và các điểm công cộng, phục vụ tối đa nhu cầu học tập, sản xuất và chuyển đổi số của cộng đồng.

2. Về kinh tế số, xã hội số:

- 100% lãnh đạo các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn được tham gia ít nhất 1 khoá bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số và kỹ năng kinh doanh số do Tỉnh/ xã tổ chức;

- Tỷ lệ doanh nghiệp có ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động, sản xuất, kinh doanh đạt trên 30%;

- Tỷ lệ số cơ sở sản xuất nông nghiệp có hoạt động thương mại điện tử, ứng dụng nông nghiệp thông minh, số cơ sở kinh doanh du lịch ứng dụng CNTT để truyền thông, quản lý và kinh doanh trên Internet đạt trên 80%;

- 100% cán bộ thôn, bản, tổ dân phố được tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số;

- 100% cơ sở giáo dục, đào tạo, đào tạo nghề ứng dụng CNTT, công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập;

- 100% người dân được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, các kỹ năng số cơ bản.

- Phấn đấu để kinh tế số đóng vai trò chủ đạo, dẫn dắt sự tăng trưởng nông nghiệp hàng hóa và du lịch tại địa phương. Đảm bảo 100% các sản phẩm OCOP và nông sản chủ lực của xã (trọng tâm là Mận Tam hoa, chè Shan tuyết, dược liệu) được chuẩn hóa thông tin số, có mã truy xuất nguồn gốc và hiện diện trên các sàn thương mại điện tử lớn cũng như các nền tảng xuyên biên giới; triển khai xây dựng và vận hành thành công ít nhất 02 mô hình "Thôn thông minh" hoặc "Xã hội số điển hình" gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc.

- Phát triển xã hội số toàn diện, đảm bảo 100% người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán điện tử và sử dụng thành thạo các dịch vụ tài chính số; 100% công dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử và được tiếp cận các dịch vụ y tế trực tuyến; phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin cơ bản cho đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo mỗi hộ gia đình đều có ít nhất một người biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu để thực hiện dịch vụ công và phòng chống lừa đảo mạng hiệu quả.

3. Về chính quyền số:

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật);

- 100% lãnh đạo, quản lý, các đơn vị trong hệ thống chính trị được cấp phát chữ ký số, tỷ lệ văn bản đi có ký số của lãnh đạo, cơ quan, đơn vị đạt 100%;

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt trên 100%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ TTHC đạt trên 90%;

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC sử dụng dịch vụ tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ BCCI đạt trên 50%.

- Về an toàn thông tin.

- 100% HTTT trong các cơ quan nhà nước được phê duyệt và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ ATTT;

- 100% máy chủ, 70% máy trạm của các đơn vị trong hệ thống chính trị được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc có bản quyền.

- 100% quy trình hành chính nội bộ và xử lý hồ sơ công việc tại UBND xã được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, áp dụng triệt để chữ ký số chuyên dùng; vận hành hiệu quả ứng dụng trợ lý ảo AI hỗ trợ giải đáp thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp 24/7; phần đầu tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt trên 95% gắn với việc trả kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Phát triển đồng bộ hạ tầng số trong hệ thống chính trị và xã hội

100% thôn, bản có sóng 4G; Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các thôn bản đạt $\geq 50\%$; Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông cố định với tốc độ 01 Gbps đạt $\geq 80\%$.

Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành đạt 95%.

Tỷ lệ cán bộ công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số đạt 100%.

Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản lý điều hành thống nhất đạt 100%; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan, chi bộ, ban ngành bằng văn bản điện tử, ký số.

Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt $\geq 70\%$.

Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa đạt 100%.

Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương đạt 100%.

Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến đạt 100%.

Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "Phi tiếp xúc" đạt 90%.

Tỷ lệ Người dân có tài khoản định danh điện tử VNeID đạt $\geq 90\%$.

Tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt $\geq 10\%$.

Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm giao thông đạt 90%.

100% sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực của xã được đưa lên sàn TMĐT.

Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn ứng dụng công nghệ số đạt $\geq 50\%$.

Ít nhất 10 mô hình “kinh tế số nông thôn” (HTX, hộ kinh doanh, thanh niên khởi nghiệp) được hỗ trợ phát triển.

Tỷ lệ thôn, bản xây dựng mô hình cộng đồng chuyển đổi số đạt $\geq 70\%$.

Tỷ lệ thôn bản có cụm loa thông minh đạt 100%.

Có Hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự xã hội.

Số sáng kiến cải tiến, ứng dụng số trong quản lý, dịch vụ công do xã đề xuất đạt ≥ 5 / năm.

100% học sinh THCS được học kỹ năng số, kỹ năng sử dụng Internet an toàn.

Đổi mới từ cơ chế đầu tư trang thiết bị, hạ tầng CNTT phân tán sang cơ chế thuê dịch vụ CNTT, dịch vụ số.

Chỉ số chuyên đổi số cấp xã đạt ≥ 0.7 .

Tổng chi ngân sách địa phương chi cho KHCN, đổi mới sáng tạo đạt 1,5%.

1.1. Xây dựng kế hoạch, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng Internet băng thông rộng, mở rộng vùng phục vụ mạng di động 4G/5G, triển khai mạng di động 5G làm nền tảng phục vụ cho chuyển đổi số trên địa bàn xã.

1.2. Tích hợp quy hoạch hạ tầng viễn thông, CNTT trong các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, giao thông, đô thị, xây dựng, dự án phát triển KT-XH, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp. Rà soát, đẩy mạnh ngầm hóa, gọn hóa hạ tầng viễn thông các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn xã.

1.3. Đẩy mạnh dùng chung hạ tầng Trung tâm dữ liệu của tỉnh, triển khai đồng bộ việc kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hệ thống chính trị của xã với tỉnh để thống nhất hạ tầng theo mô hình Kiến trúc Chính quyền điện tử, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

1.4. Đầu tư hạ tầng CNTT cho cán bộ, công chức, các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, đảm bảo an toàn thông tin và duy trì việc bảo trì, bảo dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư

1.5. Xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn các hệ thống thông tin của xã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thường xuyên rà soát, duy trì, triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ an toàn thông tin.

2. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT hướng đến xây dựng chính quyền số

2.1. Rà soát các ứng dụng, phần mềm, CSDL đã được đầu tư, triển khai để đồng bộ, thống nhất tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lào Cai.

2.2. Hình thành CSDL riêng của xã, chủ động, kết nối các CSDL Quốc gia, CSDL của tỉnh hình thành kho dữ liệu của địa phương cung cấp cho người dân, doanh nghiệp.

2.3. Nghiên cứu, đề xuất phát triển Cổng thông tin điện tử của xã, nhân rộng Cổng thông tin điện tử đến các thôn trên địa bàn xã theo định hướng cung cấp dữ liệu mở phục vụ xã hội, hệ thống giao tiếp, tương tác giữa chính quyền với người dân...

2.4. Rà soát, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ để ứng dụng CNTT toàn diện trong thực hiện TTHC, đẩy mạnh việc đưa các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4. Đánh giá thực tiễn để nhân rộng mô hình chuyên bộ phận một cửa cấp xã ra trụ sở các điểm Bưu điện trên địa bàn xã để đẩy mạnh dịch vụ BCCI phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2.5. Đẩy mạnh việc triển khai phần mềm HSCV, chữ ký số từ cấp xã đến xã nhằm rút ngắn quy trình xử lý, hạn chế tối đa sử dụng văn bản giấy, giảm thời gian và tiết kiệm ngân sách.

2.6. Thí điểm sử dụng các ứng dụng, phần mềm và đẩy mạnh triển khai Hội nghị truyền hình trực tuyến hướng tới thực hiện hợp không giấy tờ, đánh giá và nhân rộng trong hệ thống chính trị.

2.7. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp để triển khai hiệu quả các ứng dụng, phần mềm, CSDL do tỉnh đầu tư: Hệ thống thông tin HĐND; Phần mềm chỉ tiêu KTXH và Hệ thống báo cáo; Phần mềm Khiếu nại tố cáo; Phần mềm Kiến nghị cử tri; Phần mềm Quản lý hồ sơ và Đánh giá CBCC; CSDL dân tộc ...

3. Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh và thí điểm chuyển đổi số tại các thôn trên địa bàn xã

3.1. Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh của xã (OC) kết nối với Trung tâm điều hành thông minh tập trung của tỉnh (IOC) theo Khung tham chiếu Đô thị thông minh tỉnh Lào Cai, gắn liền việc giám sát, điều hành các dịch vụ ĐTTM với hệ thống CQĐT.

3.2. Kết nối dữ liệu Thí điểm triển khai hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ tổng hợp, phân tích, báo cáo, hỗ trợ chỉ đạo điều hành của chính quyền từ các ứng dụng, CSDL của tỉnh như: Hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành; Phần mềm HSCV; Igate; Chỉ tiêu KTXH và Hệ thống báo cáo; Phần mềm Khiếu nại tố cáo; Phần mềm Kiến nghị cử tri; Phần mềm Quản lý hồ sơ và Đánh giá CBCC ... Kết nối các hệ thống đã triển khai trên địa bàn xã: Camera giao thông; Camera của người dân; ... Các ứng dụng của tỉnh đầu tư như: Phản ánh hiện trường; Quản lý thông tin dư luận xã hội ... phục vụ cho quản lý trật tự xã hội. Từng bước kết nối dữ liệu các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh do các ngành đầu tư³: (1) Lĩnh vực xây dựng, đô thị, giao thông, quản lý đất đai; (2) Du lịch; (3) Y tế; (4) Giáo dục; (5) Tài nguyên, môi trường; (6) Nông nghiệp, phòng chống thiên tai.

3.3. Phối hợp với các ngành để thúc đẩy triển khai các ứng dụng ĐTTM trên địa bàn xã gồm⁴: (1) Xây dựng, đô thị, giao thông, quản lý đất đai; (2) Du lịch; (3) Y tế; (4) Giáo dục; (5) Tài nguyên, môi trường; (6) Nông nghiệp.

3.4. Thí điểm mô hình điểm ĐTTM gắn với chuyển đổi số toàn diện tại các thôn trung tâm xã, trên cơ sở khai thác các ứng dụng, hệ thống thông tin của các ngành, của tỉnh đã triển khai trên địa bàn các thôn và tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Thí điểm các ứng dụng, hệ thống thông tin trong các lĩnh vực ưu tiên triển khai đến các thôn ĐTTM;

- Thí điểm triển khai các hệ thống thông tin phục vụ quản lý và hỗ trợ người dân, du khách: Hệ thống truyền thanh cơ sở theo công nghệ mới; Hệ thống wifi miễn phí;

- Thí điểm xây dựng App cung cấp thông tin các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, y tế; dịch vụ xã hội thiết yếu ... phục vụ người dân và du khách;

- Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin trực quan để thúc đẩy thanh toán trực tuyến cho các hộ kinh doanh trên địa bàn xã, cho người dân và du khách ...

Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm triển khai tại các thôn trung tâm trên địa bàn xã tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng theo lĩnh vực, khu vực đến các địa phương đảm bảo điều kiện.

4. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số

4.1. Trên cơ sở lộ trình triển khai thương mại điện tử, thanh toán điện tử của tỉnh, chủ động kết nối tới các dịch vụ thanh toán trực tuyến đối với dịch vụ công, nghĩa vụ tài chính (như: phí, lệ phí, thuế, nghĩa vụ tài chính trong giải quyết thủ tục hành chính, tiền xử phạt vi phạm hành chính,...). Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho xã hội đẩy mạnh thanh toán trực tuyến trên địa bàn xã.

4.2. Phối hợp với các Sở, ban, ngành, các Tập đoàn lớn về CNTT-VT ... triển khai tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số và thương mại điện tử cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn xã. Nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp để thúc đẩy lộ trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tối ưu hóa quy trình hoạt động, quản trị, tổ chức sản xuất kinh doanh, mang lại giá trị gia tăng cho nền kinh tế.

4.3. Tổ chức các khóa đào tạo các đơn vị, cơ sở, hộ cá thể sản xuất nông nghiệp về nông nghiệp thông minh, tạo ra sự thay đổi căn bản về ứng dụng CNTT trong quản lý, sản xuất và điều hành, kinh doanh, thương mại điện tử trong chuỗi giá trị nông sản đặc hữu của địa phương; Thí điểm triển khai xây dựng CSDL, truy xuất nguồn gốc đối với 1, 2 sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, mang lại giá trị kinh tế cao của xã, đánh giá để nhân rộng theo sản phẩm, khu vực sản xuất.

4.4. Tổ chức các hội thảo, hội nghị với quy mô cấp xã, cấp ngành về đẩy mạnh ứng dụng CNTT, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch thông minh; Phối hợp với các đơn vị chủ quản đào tạo, tập huấn cho các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch triển khai hiệu quả các ứng dụng du lịch thông minh do tỉnh đầu tư. Đào tạo nâng cao kỹ năng truyền thông, kinh doanh số, thương mại điện tử để kích cầu các sản phẩm du lịch đặc trưng, kích thích sự tăng trưởng và phát triển du lịch bền vững của địa phương.

4.5. Định kỳ tuyên truyền theo Quý trên hệ thống truyền hình, truyền thanh cơ sở để phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ số do các cơ quan nhà nước cung cấp và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

5. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin trong hệ thống chính trị

5.1. Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng số, lộ trình chuyển đổi số trong hệ thống chính trị đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp.

5.2. Phối hợp với các cơ quan liên quan để đào tạo, đào tạo lại đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức các cấp để Chuẩn hóa kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản, thành thạo kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các ứng dụng, hệ thống thông tin của tỉnh, xã. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ thôn, bản, tổ dân phố về chuyển đổi số, kỹ năng số phục vụ CCHC, chỉ đạo điều hành sâu, rộng.

5.3. Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng số, quản trị hạ tầng, hỗ trợ ứng dụng, đảm bảo an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, phụ trách của các cơ quan,

đơn vị. Đảm bảo đủ về lượng và chất đối với đội ngũ chuyên trách, phụ trách CNTT các cấp phục vụ cho quá trình chuyển đổi số của xã.

5.4. Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT, công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, đào tạo nghề; Nghiên cứu, đề xuất thí điểm áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học (STEM), ứng dụng CNTT trong chương trình giáo dục phổ thông, tạo nền tảng cho phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng số.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền

UBND xã ban hành kế hoạch “Phát triển hạ tầng số, kinh tế số và chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030”.

Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã Bắc Hà do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai Đề án 11-ĐA/TU đến 100% cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên; đưa nội dung này vào sinh hoạt chi bộ định kỳ.

Phát động phong trào “Toàn dân tham gia chuyển đổi số - mỗi người dân là một công dân số”.

Đổi mới hình thức tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh, trang mạng xã hội của xã, Zalo nhóm thôn bản, pano, áp phích...

2. Thúc đẩy phát triển hạ tầng số

Hạ tầng viễn thông và Internet Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel, FPT) triển khai kế hoạch phủ sóng 4G, 5G toàn xã, mở rộng Internet băng rộng cố định đến 100% thôn bản.

Rà soát, đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ điểm truy cập Wi-Fi công cộng tại các thôn trên địa bàn xã, trường học, nhà văn hóa thôn.

Lắp đặt mới và nâng cấp đài truyền thanh thông minh cấp xã, tích hợp với nền tảng truyền thông số, phát tin qua Internet.

3. Hạ tầng dữ liệu và công nghệ số

Tham gia kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và nền tảng dữ liệu mở, phục vụ quản lý hành chính, đất đai, dân cư, sản xuất.

Chuẩn hóa, số hóa 100% dữ liệu hành chính xã: hồ sơ đất đai, dân cư, tổ chức, đoàn thể, tài chính Đảng, văn bản, lưu trữ (phối hợp với Văn phòng Đảng ủy).

Phát triển hệ thống camera giám sát an ninh và trật tự xã hội (liên thông với Công an tỉnh).

4. Phát triển hạ tầng số

Phối hợp với VNPT, Viettel, FPT khảo sát, lắp đặt bổ sung trạm phát sóng, đảm bảo phủ sóng Internet toàn xã, ưu tiên thôn vùng cao, vùng lõm.

Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin tại trụ sở xã:

100% cán bộ được cấp máy tính cấu hình đạt yêu cầu;

Trang bị hệ thống mạng nội bộ (LAN), máy chủ lưu trữ dữ liệu, thiết bị hội nghị trực tuyến, màn hình thông minh.

Kết nối hệ thống dữ liệu hành chính: với Trung tâm điều hành của tỉnh, sử dụng thống nhất phần mềm quản lý văn bản, tài chính Đảng, văn thư - lưu trữ điện tử.

Đầu tư hệ thống camera giám sát an ninh, giao thông, hành chính kết nối với Công an tỉnh.

5. Kinh tế số trong nông nghiệp và nông thôn

Tham gia chương trình “Ứng dụng công nghệ cao, IoT trong nông nghiệp” của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

Xây dựng mô hình “Hợp tác xã nông nghiệp số” và “Thôn nông nghiệp số” :

Quản lý sản xuất qua phần mềm điện thoại;

Sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm (chè, mật ong, gạo Ségé Cù, dược liệu...).

Phối hợp với Bưu điện tỉnh, ViettelPost để đưa sản phẩm OCOP xã lên sàn Postmart, Voso, hỗ trợ chụp ảnh, làm hồ sơ số. 5.2. Kinh tế số trong thương mại, du lịch và dịch vụ

Triển khai mô hình du lịch cộng đồng số: Tạo mã QR điểm du lịch, hướng dẫn ảo, bản đồ số du lịch Bắc Hà.

Số hóa hoạt động thương mại - dịch vụ tại chợ trung tâm xã, các cơ sở lưu trú, ăn uống: khuyến khích thanh toán không tiền mặt, đăng ký hộ kinh doanh điện tử.

Tổ chức 2 lớp tập huấn/năm về kỹ năng kinh doanh trực tuyến, thương mại điện tử cho thanh niên và phụ nữ.

6. Kinh tế số trong thương mại, du lịch và dịch vụ

Triển khai mô hình du lịch cộng đồng số: Tạo mã QR điểm du lịch, hướng dẫn ảo, bản đồ số du lịch Bắc Hà gắn với thôn thông minh trên địa bàn xã.

Số hóa hoạt động thương mại - dịch vụ tại chợ trung tâm xã, các cơ sở lưu trú, ăn uống: khuyến khích thanh toán không tiền mặt, đăng ký hộ kinh doanh điện tử.

Tổ chức 4 lớp tập huấn/năm về kỹ năng kinh doanh trực tuyến, thương mại điện tử cho thanh niên và phụ nữ.

7. Phát triển chính quyền số

Thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính điện tử 100%; phần đầu 90% trở lên hồ sơ được xử lý trên môi trường mạng.

Xây dựng Trung tâm hành chính công điện tử xã (một cửa điện tử) liên thông với tỉnh; ứng dụng mã QR tra cứu hồ sơ, lịch sử xử lý.

Áp dụng chữ ký số đối với 100% văn bản của Ủy ban nhân dân xã, Đảng ủy xã, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Đào tạo cán bộ chuyên trách phụ trách Công nghệ thông tin, đảm bảo bảo mật, an toàn thông tin.

Tổ công nghệ số cộng đồng (mỗi thôn 3 - 5 thành viên) hướng dẫn người dân đăng ký dịch vụ công, tài khoản VNeID, thanh toán điện tử.

Ứng dụng AI, chatbot, trợ lý ảo trong hỗ trợ người dân tra cứu thủ tục hành chính.

Lắp đặt bảng điện tử công khai thủ tục hành chính, mã QR phản ánh kiến nghị tại trụ sở xã.

8. Phát triển kinh tế số, thương mại điện tử

Tổ chức tập huấn kỹ năng kinh doanh trên nền tảng số, marketing online cho hộ kinh doanh, thanh niên, hợp tác xã.

Hỗ trợ đưa 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng địa phương (gạo Sóng Cù, mật ong, thảo quả, dược liệu, tinh dầu Quế) lên sàn thương mại điện tử Postmart, Voso.

Phối hợp với Phòng Kinh tế xã, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xây dựng mô hình nông nghiệp số, quản lý truy xuất nguồn gốc nông sản.

Khuyến khích hợp tác xã, hộ sản xuất ứng dụng phần mềm quản lý sản xuất, bán hàng, kế toán đơn giản (MISA, Kiotviet).

Hình thành ít nhất 05 mô hình “Hộ kinh doanh số điển hình” gắn với chuyên đổi số trong nông nghiệp, du lịch cộng đồng, dịch vụ

9. Nhóm nhiệm vụ: Phát triển nguồn nhân lực số

Cử cán bộ xã tham dự các khóa tập huấn của tỉnh về chuyên đổi số, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu.

Tổ chức hằng năm: 05 lớp “Kỹ năng số cho cán bộ, công chức, chi bộ”; 02 lớp “Kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân”.

Hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng (mỗi thôn 3 - 5 thành viên), kinh phí đề xuất 5 triệu đồng/tổ/năm.

Huy động Đoàn Thanh niên làm nòng cốt triển khai các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hướng dẫn người dân dùng nền tảng số.

Đưa nội dung giáo dục kỹ năng số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vào sinh hoạt Đoàn, Đội, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân.

Phối hợp với các trường học triển khai dạy học STEM, kỹ năng số cơ bản cho học sinh THCS

10. Nhóm nhiệm vụ: Thúc đẩy nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp

Hưởng ứng chương trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh, tạo điều kiện cho thanh niên, hợp tác xã tham gia các cuộc thi khởi nghiệp công nghệ, nông nghiệp số.

Phát động phong trào “Ý tưởng số vì cộng đồng” trong đoàn viên, học sinh.

Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm đặc trưng của xã theo chương trình hỗ trợ sở hữu trí tuệ.

11. Huy động nguồn lực

Bố trí tối thiểu 3% ngân sách xã hằng năm cho các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyên đổi số.

Huy động xã hội hóa: kêu gọi doanh nghiệp, hợp tác xã, ngân hàng, tổ chức tài chính hỗ trợ hạ tầng CNTT, tài trợ phần mềm, thiết bị.

Khuyến khích cán bộ, công chức, tổ chức đoàn thể tham gia mô hình “Mỗi cán bộ, đảng viên hướng dẫn ít nhất 3 người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến”.

12. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại cơ sở

12.1. Nâng cao năng lực khoa học - công nghệ ở cấp xã

Đưa nội dung khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào chương trình công tác hằng năm của Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã.

Phối hợp với Phòng Kinh tế xã triển khai các mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, môi trường, năng lượng tái tạo.

Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường trong sinh hoạt và sản xuất (hệ thống tưới nhỏ giọt, điện mặt trời, xử lý rác hữu cơ).

12.2. Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong cộng đồng

Phát động phong trào “Mỗi chi bộ, mỗi đoàn thể có ít nhất 01 sáng kiến đổi mới” hằng năm.

Xây dựng chuyên mục “Góc sáng kiến chuyên đổi số” trên bảng tin điện tử, mạng xã hội của xã để lan tỏa các ý tưởng mới.

Tổ chức Cuộc thi sáng kiến cải cách hành chính và chuyển đổi số cấp xã (02 năm/lần), lựa chọn gửi dự thi cấp tỉnh (nếu có).

Hỗ trợ thanh niên, phụ nữ, nông dân tham gia các cuộc thi “Sáng tạo kỹ thuật nhà nông”, “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lào Cai”.

12.3. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ở nông thôn

Hình thành tổ hợp không gian sáng tạo cộng đồng tại nhà văn hóa xã - nơi trưng bày sản phẩm sáng tạo, tổ chức lớp học khởi nghiệp, kỹ năng số.

Liên kết với doanh nghiệp, trường học, tổ chức khoa học - công nghệ trong tỉnh để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân và hợp tác xã.

Khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) trong quản lý sản xuất nông nghiệp, giám sát thiên tai, môi trường. 15.4. Phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ tại cơ sở

Hằng năm tổ chức ít nhất 02 lớp bồi dưỡng kiến thức Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, đảng viên và đoàn thể.

Phối hợp trường học tổ chức hoạt động STEM, câu lạc bộ khoa học nhỏ tuổi cho học sinh, tạo nguồn nhân lực công nghệ tương lai.

Đưa nội dung đổi mới sáng tạo vào tiêu chí bình xét thôn Văn hóa, cán bộ, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. 15.5. Ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Hỗ trợ người dân, hợp tác xã sử dụng ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo đảm chất lượng nông sản.

Ứng dụng cảm biến thông minh và dữ liệu mở trong quản lý hạ tầng nông thôn (nước sạch, đường giao thông, môi trường).

Đẩy mạnh các dự án thử nghiệm chuyên đổi số trong quản lý hành chính, tài nguyên và dịch vụ công. 15.6. Huy động nguồn lực cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Bố trí một phần kinh phí từ nguồn chuyên đổi số (khoảng 5 -10% hằng năm) để triển khai hoạt động Khoa học và công nghệ.

Kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức Khoa học và công nghệ, quỹ đầu tư và tổ chức phi chính phủ hỗ trợ về kỹ thuật, thiết bị, đào tạo và cố vấn đổi mới sáng tạo.

Lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia: nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

13. Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong cộng đồng

Phát động phong trào “Mỗi chi bộ, mỗi đoàn thể có ít nhất 01 sáng kiến đổi mới” hằng năm.

Xây dựng chuyên mục “Góc sáng kiến chuyên đổi số” trên bảng tin điện tử, mạng xã hội của xã để lan tỏa các ý tưởng mới.

Tổ chức Cuộc thi sáng kiến cải cách hành chính và chuyển đổi số cấp xã (02 năm/lần), lựa chọn gửi dự thi cấp tỉnh.

Hỗ trợ thanh niên, phụ nữ, nông dân tham gia các cuộc thi “Sáng tạo kỹ thuật nhà nông”, “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lào Cai”.

14. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ở nông thôn

Hình thành tổ hợp không gian sáng tạo cộng đồng tại nhà văn hóa xã - nơi trưng bày sản phẩm sáng tạo, tổ chức lớp học khởi nghiệp, kỹ năng số.

Liên kết với doanh nghiệp, trường học, tổ chức khoa học - công nghệ trong tỉnh để chuyển giao tiên bộ kỹ thuật cho nông dân và hợp tác xã.

Khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) trong quản lý sản xuất nông nghiệp, giám sát thiên tai, môi trường.

15. Phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ tại cơ sở

Hàng năm tổ chức ít nhất 03 lớp bồi dưỡng kiến thức khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, đảng viên và đoàn thể.

Phối hợp trường học tổ chức hoạt động STEM, câu lạc bộ khoa học nhỏ tuổi cho học sinh, tạo nguồn nhân lực công nghệ tương lai.

Đưa nội dung đổi mới sáng tạo vào tiêu chí bình xét Chi bộ, cán bộ, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

16. Ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Hỗ trợ người dân, hợp tác xã sử dụng ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo đảm chất lượng nông sản.

Ứng dụng cảm biến thông minh và dữ liệu mở trong quản lý hạ tầng nông thôn (nước sạch, đường giao thông, môi trường).

Đẩy mạnh các dự án thử nghiệm chuyển đổi số trong quản lý hành chính, tài nguyên và dịch vụ công.

17. Huy động nguồn lực cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Bố trí một phần kinh phí từ nguồn chuyển đổi số (khoảng 5 - 10% hằng năm) để triển khai hoạt động Khoa học và công nghệ.

Kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức Khoa học và công nghệ, quỹ đầu tư và tổ chức phi chính phủ hỗ trợ về kỹ thuật, thiết bị, đào tạo và cố vấn đổi mới sáng tạo.

Lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia: nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

18. Kết quả kỳ vọng đến năm 2030

100% chi bộ, đoàn thể có sáng kiến hoặc mô hình đổi mới sáng tạo được áp dụng thực tiễn.

70% hợp tác xã, tổ sản xuất áp dụng ít nhất 01 giải pháp công nghệ hoặc phần mềm số trong quản lý sản xuất.

Xã Bắc Hà có ít nhất 10 sản phẩm, mô hình được công nhận là sáng kiến tiêu biểu cấp tỉnh.

Hình thành mạng lưới “Cộng đồng sáng tạo cơ sở” với sự tham gia của đoàn viên, giáo viên, cán bộ kỹ thuật, nông dân tiêu biểu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện, bảo đảm bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Trưởng các phòng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo phân công; tăng cường kiểm tra, đôn đốc trong quá trình triển khai Kế hoạch này.

3. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị bảo đảm nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan thường trực chuyển đổi số, chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu cho Thường trực UBND chỉ đạo công tác chuyển đổi số trong các cơ quan trên địa bàn xã.

Tham mưu đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp nhận triển khai nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số dùng chung và trang thiết bị công nghệ thông tin cho người dùng thuộc các cơ quan trên địa bàn xã; Có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch.

5. Các thôn trên địa bàn xã tuyên truyền nhân dân trong thôn thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ tại thôn. Đưa nội dung kế hoạch vào chương trình các buổi họp thôn.

Phát huy vai trò nòng cốt trong việc vận động Nhân dân, doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số; hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, sử dụng các ứng dụng số an toàn, hiệu quả.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Định kỳ 6 tháng, hằng năm, các cơ quan đơn vị trực thuộc UBND xã tham mưu báo cáo kết quả thực hiện về UBND qua phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND xã.

Sơ kết giữa kỳ (2028) và tổng kết giai đoạn 2026 - 2030, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu.

Đưa kết quả thực hiện kế hoạch vào tiêu chí đánh giá thi đua của chi bộ, cán bộ, công chức hằng năm.

Trên đây là Kế hoạch của UBND xã Bắc Hà về triển khai, thực hiện Đề án số 11-ĐA/TU ngày 15/4/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai về “Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nâng cao tỷ trọng kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế giai đoạn 2026 -2030”.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT ĐU, HĐND, UBND xã;
- UBMTTQ VN các tổ chức chính trị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Công an, BCH Quân sự xã, các trường học trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Non

PHỤ BIỂU
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỐ 11-ĐA/TU CỦA TỈNH ỦY LÀO CAI
TẠI XÃ BẮC HÀ, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ/Nội dung trọng tâm	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn kinh phí (triệu đồng)	Kết quả mong đợi (Chỉ tiêu 2030 theo NQ 57)
I	Phát triển hạ tầng số					
1	Phủ sóng Internet băng rộng, 5G toàn xã	2026-2028	UBND xã	Viettel, VNPT, FPT	3000 VNPT, Viettel	Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các thôn bản \geq 50%; Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông cố định với tốc độ 01 Gbps/s \geq 80%.
2	Lắp đặt đài truyền thanh thông minh, điểm Wi-Fi công cộng	2026-2027	UBND xã (Phòng VH-XH)	Sở VH-TT tỉnh	800 Kinh phí chương trình MTQG + 200 kinh phí xã	Tỷ lệ thôn bản có cụm loa thông minh 100%.
3	Lắp camera giám sát an ninh, kết nối Công an tỉnh	2027-2028	Công an xã	UBND xã, Phòng VH-XH	200 Kinh phí xã	Có Hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự xã hội.
II	Phát triển chính quyền số					
4	Triển khai phần mềm quản lý văn bản, chữ ký số	2026	VP Đảng ủy-UBND xã	Phòng VHXH, VP Đảng	60 kinh phí xã	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản lý điều hành thống nhất 100%.
5	Hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công toàn trình	2026-2027	UBND xã	Trung tâm HCC các đơn vị phòng ban	70 (xã) + 30 (tỉnh)	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình 100%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến \geq 70%.
6	Đào tạo cán bộ, Tổ công nghệ số cộng đồng	Hàng năm	UBND xã (Phòng VH-XH)	Đoàn Thanh niên	25/năm kinh phí xã	Tỷ lệ CBCC xã được bồi dưỡng kỹ năng số 100%; Tỷ lệ CBCCVC làm chủ kỹ năng số 95%.
7	(Bổ sung NQ 57) Chỉ số chuyển đổi số cấp xã	Hàng năm	Phòng VH-XH			Chỉ số chuyển đổi số cấp xã \geq 0.7

8	(Bổ sung NQ 57) Tỷ lệ TTHC giải quyết phi địa giới hành chính	2026-2030	Trung tâm HCC	Các đơn vị phòng ban		Tỷ lệ 100%
9	(Bổ sung NQ 57) Tỷ lệ TTHC (đào tạo, KDSX) thực hiện trực tuyến	2026-2030	Trung tâm HCC	Các đơn vị phòng ban		Tỷ lệ 100%
10	(Bổ sung NQ 57) Tỷ lệ giao dịch hành chính "Phi tiếp xúc"	2026-2030	Trung tâm HCC	Các đơn vị phòng ban		Tỷ lệ 90%
11	(Bổ sung NQ 57) Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	2026-2030	Trung tâm HCC	Các đơn vị phòng ban		Tỷ lệ 100%
12	(Bổ sung NQ 57) Tỷ lệ Người dân có tài khoản định danh điện tử VNeID	2026-2030	Công an xã Bắc Hà			Tỷ lệ $\geq 90\%$
13	(Bổ sung NQ 57) Tỷ lệ người dân có chữ ký số	2026-2030	Phòng VH-XH			Tỷ lệ $\geq 10\%$
III	Phát triển kinh tế số					
14	Đưa sản phẩm OCOP lên sàn TMĐT (Postmart, Voso)	2026-2030	Hội Nông dân, Đoàn TN	Bưu điện, ViettelPost	100 (xã) + 50 (DN)	100% sản phẩm OCOP lên sàn TMĐT
15	Mô hình Hợp tác xã nông nghiệp số (IoT, quản lý sản xuất)	2027-2029	HTX Nông nghiệp (Phòng VH-XH)	Phòng Kinh tế	70 (xã) + 30 (tỉnh)	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn ứng dụng công nghệ số $\geq 50\%$.
16	Du lịch cộng đồng số	2028-2030	Hội Phụ nữ	Phòng VH-TT	60 (xã) + 40 (DN)	Mã QR điểm du lịch, bản đồ số du lịch
IV	Phát triển KH&CN, Nguồn lực và Đổi mới sáng tạo					

17	Cuộc thi “Sáng kiến chuyên đổi số” cấp xã (02 năm/lần)	2026-2030	Đảng ủy xã (Phòng VH-XH)	Đoàn TN, Hội PN	20/năm	Số sáng kiến cải tiến, ứng dụng số do xã đề xuất ≥ 5 / năm.
18	Ứng dụng năng lượng mặt trời, xử lý rác hữu cơ	2027-2030	UBND xã	Phòng Kinh tế	50 (xã) + 20 (DN)	Giảm 20% chi phí năng lượng
19	Không gian sáng tạo cộng đồng tại nhà văn hóa xã	2028	Đoàn Thanh niên	UBND xã, DN hỗ trợ	40 (xã) + 30 (XHH)	Không gian học tập, đào tạo KH&CN nông thôn
20	(Bổ sung NQ 57) Tổng chỉ ngân sách địa phương cho KHCN, ĐMST	Hàng năm	Phòng Kinh tế	Phòng VH-XH		Đạt 1,5%
21	(Bổ sung NQ 57) Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số (y tế, giáo dục...)	2026-2030	Trung tâm y tế, các trường học			Tỷ lệ 90%
V	Tuyên truyền, đào tạo, nhân rộng mô hình					
22	Tuyên truyền chuyên đổi số qua loa truyền thanh, mạng xã hội	Hàng năm	Văn phòng Đảng ủy	Các đoàn thể	10/năm	100% hộ dân được tiếp cận thông tin
23	Nhân rộng mô hình “Chi bộ số”, “Thôn bản số”	2028-2030	Ban Xây dựng Đảng ủy (Phòng VH-XH)	Các chi bộ	30 (xã)	Tỷ lệ thôn, bản xây dựng mô hình cộng đồng chuyên đổi số $\geq 70\%$.

